

Số: 3641/QĐ-UBND

Tân Yên, ngày 23 tháng 9 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Đề cương nhiệm vụ và khái toán chi phí đầu tư thực hiện dự án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050, tỷ lệ 1/25.000**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Quy hoạch 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Thông tư số 10/2010/TT-BXD ngày 11/8/2010 của Bộ Xây dựng quy định hồ sơ của từng loại quy hoạch đô thị; Thông tư số 05/2017/TT-BXD ngày 05/4/2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 35/2016/TT-BNNPTNT ngày 26/12/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện tiêu chí huyện đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 07/2019/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 của UBND tỉnh Bắc Giang Ban hành Quy định một số nội dung về quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Công văn số 2997/UBND-XD ngày 20/8/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang về việc lập Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tân Yên và vùng huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang đến năm 2040, tầm nhìn năm 2050 (tỷ lệ 1/25.000);

Xét đề nghị của phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Tờ trình số 133/TTr-KTHT ngày 19/9/2019,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Đề cương nhiệm vụ và khái toán chi phí đầu tư thực hiện dự án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050, tỷ lệ 1/25.000, với những nội dung cụ thể như sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050, tỷ lệ 1/25.000.

2. Phạm vi và ranh giới lập quy hoạch:

- Vùng huyện Tân Yên tỉnh Bắc Giang bao gồm toàn bộ ranh giới hành chính huyện Tân Yên, bao gồm 22 xã (Lan Giới, Nhã Nam, Tân Trung, Đại Hóa, Quang Tiến, Phúc Sơn, An Dương, Phúc Hòa, Liên Sơn, Hợp Đức, Lam Cốt, Cao Xá, Cao Thượng, Việt Ngọc, Song Vân, Ngọc Châu, Ngọc Vân, Việt Lập, Liên Chung, Ngọc Thiện, Ngọc Lý, Quê Nham ) và 02 thị trấn (thị trấn Cao Thượng và thị trấn Nhã Nam), với tổng diện tích tự nhiên 208,34km<sup>2</sup>. Ranh giới cụ thể được xác định như sau:

- Phía Bắc: Giáp huyện Yên Thế và huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.
- Phía Nam: Giáp huyện Việt Yên và thành phố Bắc Giang.
- Phía Đông: Giáp huyện Lạng Giang với ranh giới là sông Thương.
- Phía Tây: Giáp huyện Hiệp Hòa.

### 3. Mục tiêu, tính chất quy hoạch:

- Cụ thể hóa mục tiêu quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị tỉnh Bắc Giang đến năm 2030, Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Giang đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 từ đó đưa ra những dự báo và định hướng chiến lược nhằm phát huy tốt tiềm năng, thế mạnh và những đặc thù của huyện.

- Quy hoạch xây dựng và phát triển các khu vực trên địa bàn huyện Tân Yên phù hợp với quy hoạch sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội; đảm bảo quốc phòng, an ninh, bảo vệ cảnh quan môi trường, hướng đến phát triển toàn diện, bền vững;

- Nghiên cứu đề xuất quy hoạch tổ chức không gian đô thị, phát triển dân cư; xây dựng mô hình phát triển không gian vùng huyện; phân cấp hệ thống đô thị, xác định tính chất đô thị và lựa chọn mô hình phát triển. Đề xuất phân bố không gian xây dựng các khu công nghiệp, dịch vụ và hệ thống hạ tầng xã hội và các điểm dân cư nông thôn... trong đó xác định vùng động lực phát triển kinh tế - xã hội, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế theo hướng cân bằng và bền vững.

- Tạo lập cơ sở pháp lý cho các công tác quy hoạch xây dựng và phát triển đô thị và nông thôn trong huyện, xây dựng các chương trình kế hoạch và đề xuất các chính sách phát triển, các dự án đầu tư, sử dụng hợp lý các nguồn lực.

### 4. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật dự báo

#### 4.1. Dân số

- Dân số toàn huyện Tân Yên đến năm 2040 dự kiến có khoảng 204.979 người, trong đó dân số đô thị khoảng 55.630 người, dân số nông thôn khoảng 149.349 người; Tỷ lệ đô thị hoá toàn huyện dự kiến đạt 37,15%.

#### 4.2. Đất đai

- Đến năm 2040, toàn huyện Tân Yên có diện tích 20.834ha, trong đó có khoảng 3.958ha đất xây dựng đô thị.

### 5. Nội dung nghiên cứu

#### 5.1. Mối quan hệ vùng

- Nghiên cứu tác động ngoại vùng: Xác định vị thế, vai trò của huyện Tân

Yên trong mối quan hệ vùng tỉnh, trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đồng thời đảm bảo an ninh quốc phòng của địa phương.

- Nghiên cứu tác động nội vùng: Nghiên cứu, đánh giá ảnh hưởng từ các điều kiện kinh tế - xã hội của huyện Tân Yên; ảnh hưởng từ các không gian chức năng chính khu vực trung tâm thị trấn Cao Thượng, thị trấn Nhã Nam, cụm công nghiệp Đồng Đình, khu lưu niệm 6 điều Bác Hồ dạy công an nhân dân, di tích chùa Tứ Giáp...

#### 5.2. Đánh giá cụ thể hiện trạng

- Xác định vị trí, ranh giới nghiên cứu, phạm vi ảnh hưởng của quy hoạch vùng;

- Phân tích, đánh giá các điều kiện tự nhiên, điều kiện kinh tế - xã hội;

- Đánh giá tình hình phát triển các đô thị và các điểm dân cư nông thôn trong vùng quy hoạch về tính chất, chức năng, quy mô, tỷ lệ đô thị hoá, thực trạng...

- Đánh giá hiện trạng sử dụng đất đai của vùng quy hoạch;

- Đánh giá hiện trạng kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, môi trường và các yếu tố đặc trưng của vùng;

- Rà soát, tổng hợp và đánh giá việc triển khai thực hiện các quy hoạch hiện có của vùng;

- Đánh giá tổng hợp thực trạng nguồn lực và ưu thế phát triển của vùng.

#### 5.3. Xác định động lực, tiền đề phát triển

- Đề xuất những quan điểm, mục tiêu phát triển của vùng; tốc độ đô thị hoá, tính chất, tiềm năng, động lực phát triển của vùng;

- Xác định các định hướng phát triển chính của vùng.

#### 5.4. Đưa ra các dự báo về phát triển vùng

- Dựa trên những đánh giá cụ thể về hiện trạng của vùng để xác định, tính toán và đưa ra các dự báo về phát triển vùng về kinh tế, xã hội, dân số, lao động, nhu cầu đất đai, quá trình dịch chuyển cơ cấu kinh tế, tỷ lệ đô thị hoá. Từ đó, xác định các chỉ tiêu kỹ thuật theo mục tiêu phát triển.

#### 5.5. Định hướng phát triển không gian vùng

- Xây dựng hệ thống đô thị và nông thôn phải phù hợp định hướng phát triển của tỉnh Bắc Giang, phù hợp với các điều kiện và nguồn lực sẵn có của huyện;

- Đề xuất và lựa chọn mô hình phát triển không gian vùng huyện và đưa ra các giải pháp phân vùng để quản lý phát triển;

- Phân bố và xác định quy mô các không gian phát triển: công nghiệp, nông nghiệp, du lịch, bảo tồn ...

- Xác định và phân bố quy mô, số lượng các công trình hạ tầng xã hội như cơ sở y tế, giáo dục, trung tâm thể thao, trung tâm thương mại, khu du lịch sinh thái, các công trình di tích lịch sử có ý nghĩa...

#### 5.6. Định hướng phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật

a) Về chuẩn bị kỹ thuật:

- Phân tích, đánh giá về địa hình, địa chất, khí hậu... ảnh hưởng trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng;

- Xác định các lưu vực, các hướng thoát nước chính của vùng và đề xuất các giải pháp phòng chống các ảnh hưởng của tự nhiên như thiên tai, ngập lụt...

- Định hướng công tác san nền, xác định cao độ nền không chế tại các khu vực quan trọng;

b) Về giao thông:

- Xác định các tuyến đường giao thông đối nội, đối ngoại chủ yếu, đảm bảo phù hợp với quy hoạch phát triển giao thông của tỉnh.

- Tổ chức mạng lưới và xác định quy mô, vị trí các tuyến đường giao thông cấp vùng huyện về đường bộ, đường thủy.

- Tổ chức hệ thống giao thông đô thị và nông thôn.

c) Cấp nước:

- Đánh giá, xác định và dự báo trữ lượng nước trong vùng từ đó lên phương án đề xuất chọn và phân vùng, quản lý nguồn nước;

- Dự báo tổng hợp các nhu cầu dùng nước trong vùng, xây dựng các phương án cấp nước;

- Xác định quy mô, vị trí, phương án các công trình đầu mối cấp nước như nhà máy cấp nước, dây chuyền cấp nước, đường ống cấp nước.

- Đưa ra các giải pháp khả thi để đảm bảo nguồn nước trong vùng.

d) Cấp điện

- Xác định nguồn điện, quy mô, vị trí, phương án xây dựng các công trình cấp điện chủ yếu như nhà máy cấp điện, trạm biến áp, đường dây tải điện.

- Dự báo nhu cầu sử dụng nguồn điện, đề xuất các giải pháp cấp điện đảm bảo theo quy định.

e) Thoát nước thải, quản lý chất thải rắn, nghĩa trang

- Dự báo tổng khối lượng nước thải, chất thải rắn và nhu cầu xây dựng, mở rộng nghĩa trang;

- Đề xuất các giải pháp về quy mô, phương án lựa chọn hệ thống thoát nước thải, phương án tổ chức thu gom nước thải, chất thải rắn, vị trí, quy mô xây dựng các nghĩa trang.

### 5.7. Đề xuất các nội dung ưu tiên thực hiện

- Đề xuất các dự án ưu tiên chiến lược có ý nghĩa quan trọng đến kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội của vùng; sắp xếp, phân bổ nguồn lực hợp lý danh mục dự án ưu tiên, phân kỳ đầu tư, dự báo nguồn vốn và khả năng triển khai thực hiện các dự án ưu tiên.

### 5.8. Đánh giá môi trường chiến lược

- Khoanh vùng và đề xuất các giải pháp bảo vệ rừng, bảo vệ nguồn nước, bảo vệ cảnh quan, bảo vệ các tài nguyên thiên nhiên;

- Dự báo và đề xuất các giải pháp khắc phục đối với tác động của quá trình

đô thị hoá.

*5.9. Các yêu cầu về tổ chức, quản lý xây dựng quy hoạch vùng*

- Đề xuất các yêu cầu, nội dung quản lý quy hoạch và xây dựng hệ thống đô thị và khu dân cư nhằm bảo vệ cảnh quan tự nhiên, đảm bảo phát triển toàn diện, bền vững.

6. Thành phần hồ sơ

Thành phần hồ sơ đề án quy hoạch thực hiện theo:

Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2005 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng và các văn bản pháp quy hiện hành;

Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng, quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đề án xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù.

Sản phẩm gồm 01 bộ hồ sơ màu và 06 bộ hồ sơ đen trắng. Thành phần một bộ hồ sơ như sau:

I	Phần bản vẽ	Tỷ lệ
1	Sơ đồ vị trí và mối liên hệ vùng	1/100.000-1/50.000
2	Sơ đồ hiện trạng phân bố dân cư và sử dụng đất	1/10.000
3	Sơ đồ hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật và môi trường (giao thông, cấp điện và thông tin liên lạc, cấp nước, chuẩn bị kỹ thuật, thoát nước bản và vệ sinh môi trường và hiện trạng môi trường)	1/10.000
4	Sơ đồ phân tích khung cấu trúc và phân vùng phát triển.	Tỷ lệ thích hợp
5	Sơ đồ định hướng phát triển không gian vùng huyện Bao gồm các nội dung chính - Phân tích khung cấu trúc - Phân vùng phát triển - Phân bố cơ sở kinh tế - kỹ thuật cấp vùng - Phân bố và tổ chức hệ thống đô thị và khu dân cư nông thôn - Minh họa các giải pháp kiến trúc cảnh quan	1/10.000
6	Sơ đồ định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật vùng: - Sơ đồ định hướng chuẩn bị kỹ thuật vùng; - Sơ đồ định hướng phát triển giao thông vùng; - Sơ đồ định hướng cấp nước; - Sơ đồ định hướng cấp điện và thông tin liên lạc;	1/10.000

	- Sơ đồ định hướng thoát nước bản, quản lý CTR và nghĩa trang.	
7	Sơ đồ đánh giá môi trường chiến lược	1/10.000
II	Phân thuyết minh	
	Thuyết minh tổng hợp và các văn bản pháp lý có liên quan (thể hiện khổ giấy A4); các bản đồ, sơ đồ có liên quan (thể hiện khổ giấy A3) đính kèm thuyết minh tổng hợp. Dự thảo Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện	
III	Đĩa CD ghi toàn dự liệu hồ sơ	

**7. Dự toán kinh phí**

7.1. *Kinh phí lập đồ án quy hoạch: 2.160.946.000 đồng*

*(Hai tỷ, một trăm sáu mươi triệu, chín trăm bốn mươi sáu nghìn đồng chẵn)*

*(Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo)*

7.2. *Nguồn vốn: Ngân sách huyện.*

8. Tiến độ thực hiện: Tối đa 12 tháng kể từ ngày nhiệm vụ quy hoạch được phê duyệt.

**Điều 2.** Phòng Kinh tế và Hạ tầng có trách nhiệm tổ chức lập đồ án quy hoạch này, đồng thời xúc tiến hợp đồng với đơn vị tư vấn có năng lực theo quy định để khảo sát, lập quy hoạch và thực hiện trình tự đầy đủ theo quy định hiện hành của Nhà nước.

**Điều 3.** Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng HĐND và UBND huyện, phòng Tài chính - Kế hoạch, phòng Kinh tế và Hạ tầng, Kho bạc nhà nước huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, PCT NN-XDCB;
- LĐ VP, CV NN-XDCB;
- Lưu: VT, HS.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Quang Lượng**

## DỰ TOÁN CHI PHÍ KHẢO SÁT, QUY HOẠCH

Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang đến năm 2035 tầm nhìn đến năm 2050  
(tỷ lệ 1/25.000)

TT	Nội dung công việc	Giá trị	ĐVT	Ghi chú
1	<i>Chi phí thu thập số liệu, tài liệu khảo sát phục vụ công tác lập QH</i>	<i>100.000.000</i>	đồng	
2	<i>Chi phí lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500</i>	<i>1.740.167.000</i>	đồng	
2,1	Chi phí lập nhiệm vụ quy hoạch	113.701.000	đồng	
2,1	Chi phí lập đồ án quy hoạch	1.626.466.000	đồng	
3	<i>Chi phí khác</i>	<i>320.778.692</i>	đồng	
3,1	Chi phí thẩm định nhiệm vụ quy hoạch	22.740.200	đồng	
3,2	Chi phí thẩm định đồ án quy hoạch	106.416.000	đồng	
3,3	Chi phí quản lý lập quy hoạch	99.910.000	đồng	
3,4	Chi phí công bố quy hoạch	48.794.000	đồng	
3,5	Chi phí tổ chức xin ý kiến cộng đồng vào đồ án quy hoạch	32.529.318	đồng	
	Chi phí lựa chọn nhà thầu lập quy hoạch vùng huyện	10.389.173		
	<b>Tổng cộng (1+2+3)</b>	<b>2.160.946.000</b>	đồng	

Bằng chữ: Hai tỷ, một trăm sáu mươi triệu, chín trăm bốn mươi sáu nghìn đồng./.

